Kỳ vọng lạm phát của hộ gia đình tại thành phố Hồ Chí Minh

TS. Đặng Văn Dân
Khoa Tài chính, trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
Th.S. Nguyễn Trung Hiếu
Khoa Ngân hàng, trường Đại học Ngân hàng TP.HCM

Tóm tắt: Bài viết này thực hiện nghiên cứu lý thuyết kỳ vọng về lạm phát dựa trên khảo sát và phân tích về kỳ vọng lạm phát của các hộ gia đình tại TP.HCM. Bằng phương pháp kiểm định trung bình và hồi quy tuyến tính đã cho thấykỳ vọng lạm phát của hộ gia đình tại TP.HCM có thể là kỳ vọng theo nếp gấp thông tin hoặc kỳ vọng thích nghi. Đồng thời nghiên cứu cũng xác định tác động của hành vi mua sắm một số các hàng hóa dịch vụ, thu nhập, vay nợ, các biến số vĩ mô, thông tin, sự tin tưởng vào chính sách của chính phủ... đối với sự thay đổi của kỳ vọng lạm phát để tạo cơ sở đề xuất một số kiến nghị chính sách.

Từ khóa: lạm phát kỳ vọng, kỳ vọng hợp lý, kỳ vọng thích nghi, thành phố Hồ Chí Minh

1. Đặt vấn đề

Tại TP.HCM, từ số liệu của Tổng cục thống kê cho thấy trong giai đoạn 2004 — 2011, CPI của thành phố có xu hướng biến động mạnh hơn CPI chung của Việt Nam, các mức tăng và giảm CPI của TP.HCM luôn phản ứng rõ rệt hơn so với cả nước. Giai đoạn 2012 — 2014 thì mức biến động CPI của TP.HCM bám sát mức biến động chung của cả nước và nhiều thời điểm thấp hơn mức chung. Tuy nhiên do mức tăng của phí y tế, giáo dục đã làm cho lạm phát tại TP.HCM biến động mạnh hơn so với xu hướng chung của cả nước do đặc điểm tập trung các trường học, bệnh viện lớn của cả nước tại đây. Mặc dù sự thay đổi đó có tính chất hành chính nên chỉ ảnh hưởng một lần, mang tính thời điểm đối với chỉ số giá nhưng rõ ràng ảnh hưởng của mức tăng này là lâu dài đối với ngân sách hộ gia đình(HGĐ) chứ không chỉ tại mỗi thời điểm tăng giá đó, nó có thể sẽ làm cho kỳ vọng lạm phát (KVLP) của HGĐ thay đổi theo hướng tăng lên, việc nghiên cứu làm rõ về sự thay đổi kỳ vọng của HGĐ TP.HCM càng có vai trò quan trọng trong bối cảnh nghiên cứu như vậy.

Trong khi đó, KVLP đóng một phần quan trọng trong một chế độ lạm phát mục tiêu. Lạm phát kỳ vọng là hiện tượng có thể xuất hiện ở Việt Nam (Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, 2012), một số nghiên cứu cho rằng kỳ vọng tác động đến với lạm phát tại Việt Nam như Nguyễn Thị Thu Hằng và Nguyễn Đức Thành (2010, 2011) và Vương Thị Thảo Bình (2009) đã chứng minh vấn đề ổn định tâm lý và kỳ vọng là một trong những vấn đề cần được quan tâm trong đề xuất chính sách. Vì vậy, quan tâm đến lạm phát kỳ vọng tại là một gợi ý đối với chính sách đối với cơ quan quản lý.

2. Kỳ vọng lạm phát và cơ chế hình thành

Theo Hetzel (2000), lạm phát kỳ vọng là một trong ba cách phân loại của lạm phát, bao gồm cầu kéo, chi phí đẩy và lạm phát kỳ vọng. Đây chính là tỷ lệ lạm phát được hình thành từ KVLP. Cụ thể hơn, Curtin (2010) đã định nghĩa KVLP có thể được định nghĩa rộng rãi như niềm tin hoặc quan điểm hay nhận thức của các tác nhân kinh tế về lạm phát trong tương lai. Có nhiều cơ chế khác nhau của sự hình thành KVLP từ đó tạo nên lạm phát kỳ vọng trong nền kinh tế đã được sử dụng trong các nghiên cứu liên quan.

Các nghiên cứu tại Việt Nam khi nói về lạm phát tăng cao thường cho rằng đó chỉ là một phần là một cú sốc tạm thời và giá sẽ mau chóng trở lại bình. Nhưng thực tế giá cả phần lớn đã không trở lại bình thường và HGĐ có lẽ đã thay đổi kỳ vọng của mình từ vấn đề đó, từng ngày, từng ngày theo kiểu kỳ vọng thích nghi. Rõ ràng sự tăng giá này không phải chỉ là bắt nguồn từ tăng tiền quá mức, biến động giá tương đối như tỷ giá hay sự thay đổi cấu trúc của nền kinh tế... mà còn chịu tác động của yếu tố kỳ vọng, yếu tố tâm lý (Vương Thanh Thảo Bình, 2009).Nguyễn Thị Thu Hằng và Nguyễn Đức Thành (2010, 2011) chỉ ra rằng công chúng có khuynh hướng lưu giữ ấn tượng về lạm phát trong quá khứ và có kỳ vọng nhạy cảm về lạm phát trong tương lai.

Ranyard và cộng sự (2008) đã đề xuất một mô hình thể hiện khái niệm về nhận thức và KVLP trong nền kinh tế như trong hình 1. Trong đó thể hiện nhận thức và KVLP của cá nhân có mối liên hệ mật thiết với nhau. Về cơ bản, có thể thấy yếu tố cơ bản là thu nhập của người tiêu dùng và nhận thức của họ với các thông tin bên ngoài. Nhiều nghiên cứu khác nhau đã xác định các yếu tố tác động đến lạm phát kỳ vọng bao gồm thông tin từ kinh tế vĩ mô (Carroll (2003a, 2003b)), lạm phát trong quá khứ (G#rling và Gamble (2006)), thu nhập của HGĐ (Barnes và Olivei (2013)), quyết định mua sắm các tài sản lớn và các khoản vay tiêu dùng (Acunto và cộng sự (2016), sự tin tưởng vào chính sách của chính phủ(Galati và cộng sự (2011), thói quen sử dụng phương tiện thanh toán (Kenneth (2014)).

Asia - Pacific Economic Review

Hình 1. Yếu tố từ HGĐ ảnh hưởng đến lạm phát kỳ vọng

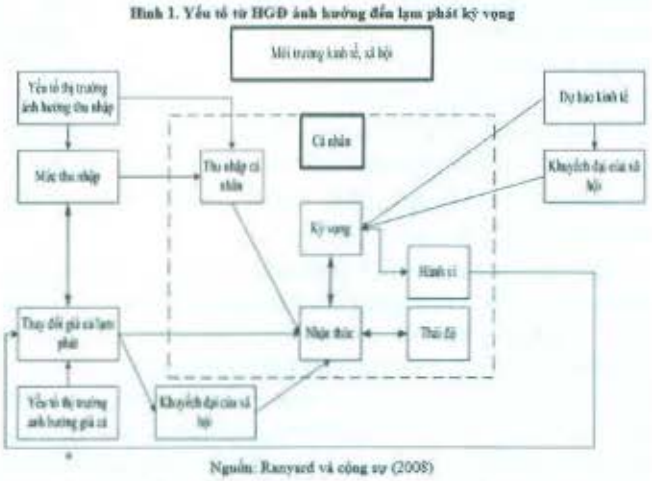

Nguồn: Ranyard và cộng sự (2008)

3. Số liệu và phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu đề ra, nhóm nghiên cứu sử dụng khảo sát thường xuyên, định kỳ hàng 6 tháng của tổ chức nghiên cứu thị trường Epanel. Thời điểm khảo sát là hàng 6 tháng, vào đầu quý 2 và quý 4 hàng năm. 300 mẫu khảo sát HGĐđược thu thập tại địa bàn TP.HCM trong vòng 3 năm từ 2012 — 2014 hình thành 1800 quan sát.

Về thu nhập trung bình của toàn HGĐ, chiếm tỷ lệ cao nhất trong mẫu các HGĐ thuộc các nhóm thu nhập từ 48 — 84 triệu đồng/tháng và 84 — 120 triệu đồng/tháng (cùng chiếm 14,4% tổng số người được khảo sát), tiếp sau là nhóm thu nhập từ 12 — 20 triệu đồng/tháng (258 người, chiếm 14,3%) và sau đó là nhóm thu nhập từ 20 — 48 với 245 người (chiếm 13,6%). Trong mẫu nghiên cứu nhóm thu nhập dưới 3 triệu/tháng và từ 3 — 5 triệu/tháng chiếm thấp nhất trong mẫu khảo sát với tỷ lệ lần lượt là 0,2% và 0.3%

Biến KVLP được đo lường bao gồm kỳ vọng 6 tháng tới và kỳ vọng trong 12 tháng tới của HGĐ. Việc đo lường kỳ vọng này có thể thực hiện qua phần trăm kỳ vọng cụ thể hoặc qua câu hỏi lựa chọn các mức kỳ vọng đã sẵn có. Gerlach và cộng sự (2011) nghiên cứu theo kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới thì kỳ vọng của HGĐ thường khá mơ hồ, họ thường cho biết kỳ vọng tăng/giảm hoặc không đổi chứ không chắc chắn hoàn toàn về những con số đưa ra. Trong nghiên cứu này, số liệu khảo sát được thu thập theo câu hỏi lựa chọn mức kỳ vọng.

KVLP trong 6 tháng tới (KV6): Trong 6 tháng tiếp theo, bạn có nghĩ rằng giá nói chung sẽ tăng lên, hoặc đi xuống, hoặc giữ nguyên ở mức hiện tại? " và" Bạn cho rằng giá trong vòng 6 tháng tới trung bình sẽ tăng đến khoảng bao nhiêu phần trăm?"

KVLP trong 12 tháng tới (KV12): Trong 12 tháng tiếp theo, bạn có nghĩ rằng giá nói chung sẽ tăng lên, hoặc đi xuống, hoặc giữ nguyên ở mức hiện tại? " và" Bạn cho rằng giá trong vòng 12 tháng tới trung bình sẽ tăng đến khoảng bao nhiêu phần trăm?"

Các biến số tác động lần lượt là:

- Nhóm biến về đánh giá sự tin tưởng vào chính sách của chính phủ: CP1: hiệu quả làm việc chung của chính phủ, CP2: hiệu quả của chính sách kiểm soát lạm phát và thất nghiệp

- Nhóm biến về thay đổi giá cả trong quá khứ bao gồm CT1: Thay đổi của chi phí sinh hoạt so với 12 tháng trước, CT2: Thay đổi của chi phí sinh hoạt không thiết yếu so với 12 tháng trước, CT3: Thay đổi của chi tiêu trong tháng so với chi tiêu trung bình 12 tháng trước, CT4: Số lượng khoản chi tiêu bị cắt giảm khi thu nhập giảm trong quá khứ

- Nhóm biến về tình hình kinh tế vĩ mô bao gồm KT1: Tình hình kinh tế hiện tại, KT2: Tình hình kinh tế trong 6 tháng tới, KT3: Điều kiện kinh doanh hiện tại, KT4: Xu hướng của điều kiện kinh doanh trong 6 tháng tới, KT5: Tình hình thất nghiệp hiện tại, KT6: Xu hướng thất nghiệp trong 6 tháng tới

- Nhóm biến về dự kiến mua sắm tài sản lớn bao gồm MS1: Dự định mua bất động sản trong 6 tháng tới, MS2: Dự định mua xe gắn máy trong 6 tháng tới, MS3: Dự định mua xe ô tô trong 6 tháng tới, MS4: Dự định mua đồ điện/điện tử trong 6 tháng tới

- Nhóm biến về thu nhập của HGĐ bao gồm TN1: Mức thu nhập trung bình hiện tại của HGĐ, TN2: Thu nhập tháng này so với cùng kỳ năm ngoái, TN3: Xu hướng thu nhập gia đình trong 12 tháng tới, TN4: Xu hướng thay đổi của thu nhập so với giá cả trong 12 tháng tới, TN5: Xu hướng việc của của cá nhân trong 6 tháng tới

- Nhóm biến về vay nợ của HGĐ: NO1: khoản nợ tiêu dùng so cùng kỳ năm ngoái, NO2: Xu hướng khoản nợ tiêu dùng trong 6 tháng tới, NO3: trung bình phần trăm thu nhập dành cho trả nợ, NO4: Mức lãi suất vay tiêu dùng chấp nhận chi trả

- Nhóm biến về thông tin tiếp nhận được của HGĐ: TT1: Số lượng kênh tiếp cận thông tin thường xuyên, TT2: Số lượng thông tin chính sử dụng trong nhận định, TT3: Thông tin ghi nhận trong vài tháng qua

- Biến về phương tiện thanh toán sử dụng khi tiêu dùng là TQ: phương tiện thanh toán chính sử dụng khi tiêu dùng của HGĐ

Trong nghiên cứu này, phương pháp PCA được sử dụng với các biến tình hình kinh tế vĩ mô, mua sắm tài sản trong tương lai, thông tin thu thập nhằm giảm bớt số lượng biến và tránh ước lượng sai nhiễu từ việc sử dụng quá nhiều biến có tương quan trong mô hình hồi quy. Trong thực nghiệm thì Barnes và Olivei (2013) đã sử dụng PCA để có thể thu gọn 42 câu hỏi trong khảo sát Michigan đối với lạm phát kỳ vọng của HGĐ để phân tích thuận tiện hơn và cho kết quả tốt.

Kiểm định t-test được thực hiện để so sánh hai trị trung bình của về mức độ lạm phát kỳ vọng của HGĐ thay đổi theo thời gian như thế nào. Giả thuyết của kiểm định là Ho: "Không có sự khác nhau về trị hai trung bình tổng thể", tức là khác biệt giữa 2 trung bình là bằng 0.

Kiểm định này được thực hiện với kỳ vọng 6 tháng và kỳ vọng 12 tháng theo từng thời điểm khảo sát.

Dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu này là dữ liệu bảng (Data Panel) - sự kết hợp của dữ liệu chéo và dữ liệu thời gian. Theo phương pháp hồi quy dữ liệu bảng, ba mô hình hồi quy phổ biến là mô hình hồi quy gộp (Pooled OLS), mô hình hồi quy tác động cố định (Fixed effects model - FEM) và hồi quy tác động ngẫu nhiên (Random effects model — REM) có thể được sử dụng phân tích các nhân tố tác động đến KVLP của HGĐ. Kiểm định F được sử dụng nhằm giúp đưa ra lựa chọn giữa mô hình Pooled OLS và FEM, kiểm định Hausman được sử dụng để đánh giá mức độ phù hợp của FEM và REM làm cơ sở lựa chọn mô hình tốt nhất.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

- Kiểm định sự thay đổi của lạm phát kỳ vọng của HGĐ tại TP.HCM:

Với kỳ vọng trong vòng 6 tháng và 12 tháng tới được đo tại 6 thời điểm của 3 năm liên tiếp cho thấy mức trung bình KVLP của HGĐ tại TP.HCM có thay đổi, thấp nhất là ở đầu năm 2014 với mức lạm phát kỳ vọng khoảng 5% và cao nhất ở cuối năm 2012 với mức kỳ vọng khoảng từ 5% đến 9%. Đồng thời, tại các thời điểm khảo sát đầu năm thì HGĐ thường có mức KVLP trung bình thấp hơn so với mức kỳ vọng ở cuối năm. Kỳ vọng trong vòng 12 tháng tới có xu hướng biến động trung bình mạnh hơn so với kỳ vọng trong 6 tháng.

Mặc dù vậy, sự khác biệt này là không đáng kể, không có ý nghĩa thống kê khi các giả thuyết H0 đều chưa đủ cơ sở bác bỏ với mức ý nghĩa 95%. Như vậy, có thể thấy mức KVLP của HGĐtại TP.HCM trong thời gian vừa qua được giữ ổn định dù thị trường, kinh tế vĩ mô, lạm phát thực tế có nhiều thay đổi. Việc không biến động trong lạm phát kỳ vọng là dấu hiệu của kỳ vọng thực tế của HGĐ tại TP.HCM chưa thực sự là kỳ vọng hợp lý mà có thể là kỳ vọng theo nếp gấp thông tin hoặc kỳ vọng thích nghi.

- Nhân tố tác động đến KVLP trong 6 tháng của HGĐ tại TP.HCM

Bảng 1. Kết quả hồi quy nhân tố tác động đến kỳ vọng 6 tháng

Biến	Hệ số hồi quy	Sai số chuẩn	P – value	Biến	Hệ số hồi quy	Sai số chuẩn	P – value
CP1	0.134593	0.166029	0.000	NO2	-0.099206	0.024180	0.000
CP2	0.075764	0.019261	0.000	NO3	-0.101550	0.023906	0.000
CT1	0.039405	0.022492	0.080	TN1	0.079998	0.012442	0.000
CT2	0.079147	0.022510	0.000	TN2	0.126766	0.022079	0.000
CT4	0.062451	0.022211	0.005	TN3	0.092724	0.018566	0.000
KT	0.151084	0.021144	0.000	TN4	-0.116344	0.024478	0.000
MS1	0.079726	0.021868	0.000	TT	0.167591	0.021598	0.000
NO1	-0.137935	0.024387	0.000	TQ	0.166029	0.034990	0.000

R-squared = 0.6388; Adj R-squared = 0.6356; Prob>F = 0.000; F(16,1783) = 197.12

Kết quả kiểm định F đối với mô hình nhân tố tác động đến KVLP 6 tháng cho kết quả p-value lớn hơn mức ý nghĩa 5% (0,8458), do đó, có chưa đủ cơ sở để bác bỏ giả thuyết H0, tức là P.OLS phù hợp hơn mô hình FEM.Thực hiện các kiểm định và dấu hiệu nhận biết cho thấy chưa đủ cơ sở kết luận mô hình có hiện tượng đa cộng tuyến (VIF lớn nhất của các biến số là 1,63 (tn1) và nhỏ nhất là 1,25 (ct4)), chưa đủ cơ sở kết luận mô hình xảy ra hiện tượng tự tương quan (giá trị thống kê Durbin-Watson là 1.454), kiểm định Breusch & Pagan cho thấy P-value =0.000 nên chưa thể kết luận mô hình có hiện tượng phương sai thay đổi.Kết quả mô hình hồi quy được trình bày trong bảng 1.

- Nhân tố tác động đến KVLP trong 12 tháng của HGĐ tại TP.HCM

Kết quả kiểm định F đối với mô hình nhân tố tác động đến KVLP 12 tháng cho kết quả p-value nhỏ hơn mức ý nghĩa 5% (0,00967) nên đủ cơ sở để chấp nhận giả thuyết H1, tức là FEM phù hợp hơn mô hình Pooled OLS. Kiểm định Hausman được sử dụng để so sánh mô hình FEM và REM, với kết quả p-value nhỏ hơn giá trị 5% (0,0179) tức là mô hình hồi quy các ảnh hưởng cố định FEM phù hợp hơn mô hình hồi quy các ảnh hưởng ngẫu nhiên REM. Do đó, mô hình FEM được sử dụng trong phân tích này.

Tương tự như mô hình hồi quy KVLP 6 tháng, kết quả thực hiện các kiểm định và dấu hiệu nhận biết cho thấy chưa đủ cơ sở kết luận mô hình có hiện tượng đa cộng tuyến (VIF lớn nhất của các biến số là 2,33 (kv6) và nhỏ nhất là 1,01 (dt)). Kiểm định Wooldridge được sử dụng để phát hiện hiện tượng tự tương quan bậc một giữa phần dư của các biến trong mô hình, kết quả p-value là 0,1389 (F=2.201) lớn hơn mức ý nghĩa 5% nên ta có thể chấp nhận mô hình không xảy ra hiện tượng tự tương quan bậc một. Kiểm định Wald sử dụng kiểm tra mô hình có bị hiện tượng tự tương quan cho kết quả P-value =0.000 (÷2 (300) = 3895.26) nên mô hình có hiện tượng phương sai thay đổi. Để có thể có được ước lượng là tin cậy và hiệu quả thì phương pháp GLS được sử dụng trong mô hình này để khắc phục hiện tượng phương sai thay đổi. Mô hình cho thấy kết quả như trong bảng 2.

Bảng 2. Kết quả hồi quy các nhân tố tác động đến kỳ vọng 12 tháng

Biến	Hệ số hồi quy	Sai số chuẩn	P – value
CP1	0.092955	0.025905	0.000
CT1	0.0935281	0.026811	0.000
CT2	0.0583503	0.026398	0.027
KV6	0.2050482	0.025229	0.000
NO1	-0.107312	0.028563	0.000
NO3	-0.0665932	0.027665	0.016
TN1	0.058332	0.015017	0.000
TN3	0.068525	0.021829	0.002
TN5	0.085522	0.025078	0.001

Wald chi2 (10) = 794.76; Prob > chi2 = 0.0000

4. Kết luận và kiến nghị chính sách

Từ kết quả kiểm định t với sự thay đổi của lạm phát kỳ vọng của HGĐ tại TP.HCM có thể thấy mức KVLP của người dân TP.HCM trong thời gian vừa qua được giữ ổn định dù thị trường, kinh tế vĩ mô, lạm phát thực tế có nhiều thay đổi. Việc không biến động trong lạm phát kỳ vọng là dấu hiệu của kỳ vọng thực tế của HGĐ tại TP.HCM chưa thực sự là kỳ vọng hợp lý mà có thể là kỳ vọng theo nếp gấp thông tin hoặc kỳ vọng thích nghi xoay quanh mức lạm phát khoảng 5%, 6% đến 9%.

Đồng thời với đó, từ kết quả của mô hình hồi quy số liệu khảo sát, chúng tôi nhận thấy một số vấn đề như sau:

KVLP trong 6 tháng tới và trong 12 tháng tới của HGĐ tại TP.HCM chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố. Với KVLP trong 6 tháng tới thì ảnh hưởng thuận chiều mạnh nhất đến lạm phát kỳ vọng trong 6 tháng của các HGĐ là thông tin ghi nhận trong thời gian qua (hệ số hồi quy 0.168), thói quen về sử dụng phương tiện thanh toán khi tiêu dùng (0.166), tình hình kinh tế vĩ mô (0.151) sau đó là đánh giá hiệu quả làm việc của chính phủ (0.135) và thu nhập so với cùng kỳ quá khứ (0.127). Trong khi đó, ảnh hưởng nghịch chiều mạnh nhất đến sự thay đổi của lạm phát kỳ vọng trong vòng 6 tháng qua đến từ khoản nợ tiêu dùng so với cùng kỳ năm ngoái (-0.134) và trung bình phần trăm thu nhập dành cho trả nợ (-0.102).

Đối với KVLP trong vòng 12 tháng tới thì ảnh hưởng của kỳ vọng 6 tháng đến kỳ vọng của 12 tháng tiếp theo là rất mạnh, có ý nghĩa thống kê cao. Đồng thời với đó là sự thay đổi của chi phí sinh hoạt so với 12 tháng trước cũng ảnh hưởng mạnh đến kỳ vọng 12 tháng (hệ số hồi quy là 0.094). Vì vậy, có thể nói kỳ vọng trong thời điểm trước và chi phí sinh hoạt trọng quá khứ có ảnh hưởng đáng kể đến kỳ vọng của kỳ tiếp theo. Điều này cũng cố cho kết quả kiểm định t là KVLP của HGĐ tại TP.HCM có xu hướng là kỳ vọng thích nghi chứ chưa thể kết luận là là kỳ vọng hợp lý. Kết quả cũng cho thấy có tác động của việc HGĐ đánh giá về hiệu quả làm việc của chính phủ, xu hướng thu nhập và việc làm trong tương lai, các khoản nợ tín dụng tiêu dùng đến sự thay đổi của KVLP 12 tháng.

Kiến nghị chính sách

Cơ quan quản lý nên thực hiện khảo sát thông tin KVLP của các chủ thể kinh tế một các thường xuyên. Việc thu thập số liệu này sẽ giúp ích cho việc đánh giá hiệu quả chính sách, sự lan truyền thông tin cũng như làm cơ sở để thực hiện các nghiên cứu về lạm phát kỳ vọng phù hợp với các nghiên cứu trước. Tổ chức thực hiện khảo sát có thể là NHNN Việt Nam hoặc Tổng cục thống kê để đảm bảo việc khảo sát được tổ chức chuyên nghiệp và đầy đủ. Tuy nhiên các trường đại học, viện nghiên cứu trên địa bàn TP.HCM cũng có thể thực hiện công việc này tương tự như đại học Michigan đã thực hiện để gia tăng mức độ khách quan, lan truyền tác động và khẳng định tiếng nói của trường trong nghiên cứu chính sách

Giữ ổn định về vĩ mô tạo để nền tảng cho lạm phát duy trì ở mức phù hợp và ổn định kỳ vọng của HGĐ. Chính phủ nên đảm bảo mức độ tăng trưởng cho nền kinh tế, bằng cách tiếp tục cung ứng vốn, cấp tín dụng, tăng năng suất lao động để kích thích cung tăng lên đáp ứng được cầu. Cơ quan quản lý tại TP.HCM nên xem xét gia tăng độ mở của nền kinh tế để ổn định giá cả nhập khẩu và sản xuất công nghiệp. TP.HCM có thể nghiên cứu sâu chính sách hội nhập kinh tế quốc tế về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ nhất là trong các cam kết trong từng hiệp định (FTA/ASEAN, ASEAN+, FTA song phương, WTO, TPP...) để có thể tạo ra những cơ hội cho việc thu hút đầu tư nước ngoài và hoạt động xuất khẩu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo thêm việc làm.... Song song với đó tại TP.HCM có thể nên quan tâm phát triển thị trường trong nước với việc thực hiện cuộc vận động người Việt ưu tiên dùng hàng Việt. Tích cực tuyên truyền nhằm thay đổi cách tiêu dùng của đại bộ phận người Việt và tăng cường phát triển, sản xuất đa dạng hóa sản phẩm, chất lượng, mẫu mã nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Điều này cũng giúp ổn định thị trường, tỷ giá và cán cân thanh toán...

Song song với đó là nâng cao hiệu quả quản lý thị trường hàng hóa của chính quyền TP.HCM. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằngKVLP của các HGĐ chịu ảnh hưởng mạnh của giá cả trong quá khứ. Sự ảnh hưởng to lớn của yếu tố lạm phát trong quá khứ đã hình thành nên KVLP của HGĐ. Với lạm phát cao và kéo dài sẽ ảnh hưởng đến dự đoán của HGĐ về lạm phát trong tương lai. Do đó, cơ quan quản lý cần nâng cao hiệu quả hơn nữa trong quản lý thị trường hàng hóa trong nước, bình ổn giá cả hàng hóa để tránh xảy ra các hiện tượng tăng giá đột biến gây ảnh hưởng đến tâm lý của HGĐ lo sợ lạm phát.

Cơ quan quản lý và các bộ phận truyền thông TP.HCM cần thông tin tình hình kinh tế đến người dân cần đầy đủ, kịp thời. Lạm phát rất nhạy cảm với các thông tin nên trạng thái lạm phát thấp thực tế là một cân bằng không bền và rất dễ bị phá vỡ, trong khi tình trạng lạm phát cao có khuynh hướng lập lại dễ hơn. Tại TP.HCM, các kênh thông tin nên đa dạng, phong phú nhưng cơ quan quản lý cũng nên tiến tới xây dựng, định hướng phát triển các kênh thông tin chính thống, đơn vị truyền thông uy tín như mô hình của Dow Jones, Wall Street Journal, Associated Press... của Hoa Kỳ được nhiều người đánh giá là khách quan, chất lượng và cân bằng quyền lợi.

Cải cách tiền lương hợp lý nhất tại Việt Nam nói chung và TP.HCM nói riêng.Cơ quan quản lý tại TP.HCM cần có lộ trình điều chỉnh tăng lương một cách thận trọng, hợp lý, tránh gây ra biến động tâm lý của HGĐlàm tăng kỳ vọng tiêu cực. Ngoài ra cần đi cùng với các chính sách phù hợp khác như thay đổi mức thuế suất giá trị gia tăng có tác động rất mạnh đến lạm phát thực tế của HGĐ thay vì điều chỉnh về tăng thu nhập.

Đối với các khoản vay tiêu dùng, cơ quan quản lý cần theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thỏa thuận lãi suất của tổ chức tài chính với khách hàng cá nhân, HGĐ để tránh trường hợp như một số công ty tài chính tiêu dùng cho vay với lãi suất quá cao trong thời gian qua.

Thay đổi thói quen sử dụng phương tiện thanh toán của người dân. TP.HCM đóng vai trò đầu tàu kinh tế

của cả nước nên càng có nhiều thuận lợi để áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt. Vì vậy cần tích cực vận động, tuyên truyền để thay đổi thói quen sử dụng tiền mặt, hoàn thiện cơ chế giám sát, hiện đại hoá công nghệ thanh toán không dùng tiền mặt. Xây dựng một hệ thống thanh toán hiện đại cho các dịch vụ công cộng và sau đó là các dịch vụ, giao dịch hàng hóa của các chủ thể kinh tế là mục tiêu dài hạn cần hướng đến cho một thành phố văn minh, hiện đại. Song song với đó cần đảm bảo đủ lượng tiền trong lưu thông, giảm thiểu các trường hợp sử dụng "hàng hóa" thay thế cho tiền mệnh giá nhỏ trong lưu thông.

Tài liệu tham khảo

1. Acunto F. D., Hoang D., Weber M. (2016). Unconventional Fiscal Policy, Inflation Expectations, and Consumption Expenditure, University of Chicago Booth School of Business

2. Barnes M.L. và Olivei G.P. (2013). The Forecasting Power of Consumer Attitudes for Consumer Spending, The Federal Reserve Bank of Boston

3. Carroll, C. D. (2003a): Macroeconomic Expectations Of Households and Professional Forecasters, The Quarterly Journal of Economics

4. Carroll, C. D. (2003b): The Epidemiology of Macroeconomic Expectations, NBER Working Papers 8695, National Bureau of Economic Research

5. Curtin, R. (1999), Surveys of consumers data file documentation, The University of Michigan

6. Galati.G., Poelhekke.S, Zhou.C., (2011), Did the crisis affect inflation expectations? International Journal of Central Banking

7. Garling, T., Gamble, A. (2006). Change in perceived value of money without change in nominal representation (Goteborgs psychological reports no. 36:4). Goteborgs, Sweden: Goteborg University, Department of Psychology.

8. Gerlach P., Hardahl P., Moessner R., 2011, Inflation expectations and the great recession, BIS Quarterly Review

9. Hetzel, J. L., The Taylor Rule: Is It a Useful Guide to Understanding Monetary Policy?; FRB Richmond Economic Quarterly, Vol. 86, No. 2, Spring 2000, pp. 1-33

10. Kenneth R. (2014). Costs and benefits to phasing out paper currency. NBER Macroeconomics Annual Conference

11. Kim.J., Lee.J., Yoon. J.W, 2012, Impact of Demographic Changes on Inflation and the Macroeconomy, IMF Working Paper

12. Lipsey. G.L. (1960), The Relation Between Unemployment and the Rate of Change of Money Wage Rates in the United Kingdom, 1862-1957: A Further Analysis, Economica

13. Lucas. R. (1972). Expectations and the Neutrality of Money. Journal of Economic Theory

14. Millet. F.C., (2006), Inflation Expectations, the Phillips Curve and Monetary Policy, NERA Economic Consulting

15. Muth. J, 1961, Rational Expectations and the Theory of price movements, p.316. Econometrica, Vol. 29, No. 3 (Jul., 1961), pp. 315-335

16. Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Đức Thành, 2011, Nguồn gốc lạm phát ở Việt Nam giai đoạn 2000-2010: phát hiện mới từ những bằng chứng mới, Bài Nghiên cứu NC-22, Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

17. Oral. E. (2013). Consumer Inflation Expectations in Turkey. Bank for International Settlements, IFC Working Papers No 10

18. Ranyard R., Del Missier F., Bonini N., Duxbury D., Summers B., 2008, Perceptions and expectations of price changes and inflation: A review and conceptual framework; Journal of Economic Psychology Volume 29, Issue 4, August 2008, Pages 378—400

19. Trehan. B. (2010), Survey Measures of Expected Inflation and the Inflation Process, federal reserve bank of san francisco

20. Ủy ban Kinh tế của Quốc hội (2012), Lạm phát mục tiêu và hàm ý đối với khuôn khổ chính sách tiền tệ ở Việt Nam, Nhà xuất bản Tri Thức

21. Vương Thị Thảo Bình, 2009, Tiếp cận và phân tích động thái giá cả - lạm phát của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới bằng một số mô hình toán kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân

Asia - Pacific Economic Review